

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI KIM TRƯỜNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI KIM TRƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIM TRUONG TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109223660

3. Ngày thành lập: 15/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 91 Ngõ 296, Đường Lĩnh Nam, Tổ 17, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0333897164

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4513
2.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4530
4.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4541
5.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4543
7.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662(Chính)
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23.	Bán buôn tổng hợp (loại trừ hàng hóa bị cấm)	4690
24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
26.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
27.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
28.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
29.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
30.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
31.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
32.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
33.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
34.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
35.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
36.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
37.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
38.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
39.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
40.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
41.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
42.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

43.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773
44.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
46.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
47.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
48.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
49.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
50.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động đấu giá; bán lẻ vàng; bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí)	4789
51.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
52.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4799
53.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng taxi - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác - Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)	4931
54.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
55.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933

56.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới - Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	5021
57.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	5022
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
61.	Bốc xếp hàng hóa	5224
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
63.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
64.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
65.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
66.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Loại trừ hoạt động đấu giá)	6820
67.	Hoạt động tư vấn quản lý (Loại trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)	7020

68.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế cấp - thoát nước công trình - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình - Khảo sát địa chất công trình - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn đấu thầu - Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu - Thiết kế cơ - điện công trình - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Quản lý đầu tư xây dựng công trình hạng 2 - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan - Hoạt động đo đạc bản đồ - Khảo sát địa hình - Khảo sát địa chất công trình - Thiết kế xây dựng công trình giao thông - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông - Quản lý dự án công trình dân dụng, quản lý dự án công trình giao thông	7110
69.	Quảng cáo	7310
70.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Trang trí nội thất - Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy	7410
71.	Cho thuê xe có động cơ	7710
72.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
74.	Trồng lúa	0111
75.	Trồng cây cà phê	0126
76.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
77.	Khai thác và thu gom than non	0520
78.	Khai thác dầu thô	0610
79.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
80.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
81.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
82.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
83.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

84.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
85.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
86.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
87.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
88.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
89.	Sản xuất đường	1072
90.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
91.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
92.	Sản xuất cà phê	1077
93.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
94.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
95.	Sản xuất than cốc	1910
96.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
97.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét - Chi tiết: Sản xuất gạch tuynel	2392
98.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
99.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
100.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
101.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
102.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
103.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
104.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
105.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
106.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
107.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
108.	Xây dựng nhà để ở	4101
109.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
110.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
111.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
112.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và khu công nghiệp	4299
113.	Phá dỡ	4311
114.	Hoàn thiện công trình xây dựng - Chi tiết: Hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật;	4330
115.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

116.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4511
117.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512

6. Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN DŨNG Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *18/02/1993* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *031859908*
 Ngày cấp: *10/08/2010* Nơi cấp: *Công an Thành phố Hải Phòng*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 11, Xã Hoà Bình, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Xóm 11, Xã Hoà Bình, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội